

# LÀN ĐIỀU HÁT TUỒNG

## I. PHẦN NÓI LỜI

### 1. Định nghĩa:

Trong cuộc sống, lời nói là phương tiện giao tiếp hằng ngày giữa con người với con người, nhằm trao đổi tư tưởng, tình cảm, khát vọng với nhau. Nói lời trong nghệ thuật Tuồng cũng xuất phát từ lời nói hằng ngày được các nghệ sĩ cách điệu trở thành nghệ thuật mang tính âm nhạc có giai điệu và tiết tấu nhằm biểu hiện trạng thái về mặt tình cảm, tâm tư, nguyện vọng cũng như tính cách của mỗi nhân vật.

Trong nghệ thuật hát tuồng thì nói lời là loại hình làn điệu chủ yếu chiếm vị trí quan trọng vào bậc nhất. Gọi là nói nhưng thực chất lại là hát có vần, có điệu, có tiết tấu... Khi diễn viên tự giới thiệu với khán giả và trình bày một cảnh ngộ nào đó thì họ nói lời. Hai tướng ra trận trước khi đánh nhau, mỗi bên tự xưng tên tuổi, chức tước, khiêu khích nhau... cũng bằng điệu nói lời. Nghệ thuật nói lời là phải “Nói để người ta thấy chứ không chỉ nói cho người ta nghe”. Muốn đạt được mục đích đó phải có những điều cần thiết sau đây:

- Một là: phải biết phân tích nội dung lời kịch trong từng câu, từng vế để tìm ra giọng nói cho phù hợp.

- Hai là: phải biết vận dụng ngữ khí và ngữ điệu trong từng câu từng vế lời. Đồng thời phải biết điều khiển các làn hơi như hơi hàm, hơi ruột, hơi xoang... và mỗi loại hơi ấy dùng trong trường hợp nào, nhân vật nào?..

- Ba là: phải biết quan sát và tích lũy vốn sống. Bởi vì mỗi con người đều có dáng đi, giọng nói và cá tính khác nhau, cho nên nghệ thuật phải phản ánh sự phong phú và đa dạng ấy.

### 2. Cấu trúc

Cấu trúc của nói lời thường là thể thơ biến ngẫu đối xứng từ 3 chữ tới 10 chữ. Nhưng thường dùng thể 4 chữ đến 8 chữ. Và bao giờ chữ cuối cùng của vế thứ nhất là vần trắc thì chữ cuối cùng của vế thứ hai là vần bằng, chữ cuối cùng của vế thứ ba là vần bằng thì chữ cuối cùng của vế thứ 4 là vần trắc. Một câu nói lời thường có hai vế. Vế đầu gọi là vế trống, vế sau gọi là vế mái.

VD: Đường có trái mới hay sức ngựa  
Lửa không nung sao biết tuổi vàng

- Lời 3 chữ: Đâu! Đâu! Đâu  
Khỏ! Khỏ! Khỏ

- Lời 4 chữ: Cúi lạy thiên nhan  
Xuống chơi trần thế

- Lời 5 chữ: Giữ một lòng nghĩa khí  
Lập hai chữ công danh

- Lời 6 chữ: Tuy hãy trong vòng hoạn nạn

## Song đà dạng chữ bình an

- Lối 6 chữ (*trùng 3 chữ một*):

Tâm nan định, tâm nan định

- Lối 6 chữ (*trùng 2 chữ sau*):

Tâm thần điên đảo, điên đảo

Hồn phách đê mê, đê mê

- Lối 7 chữ:

Ngao ngán bấy nổi mình phận bạc

Xót xa thay cho kiếp má hồng

- Lối 8 chữ:

Vì má hồng nên cam phận rui ro

Crua thói bạc lại chịu điều cay đắng

- Lối 9 chữ:

Trăng rẽ vàng, gió đã tạt, mưa lại phai

Chông còn sống, cháu ngồi đây, con biết lật

- Lối 10 chữ:

Những kẻ toàn tâm toàn ý thật đáng khen

Ngoài ra, nói lối còn được cấu tạo đặc biệt do vận dụng ngôn ngữ văn học tài tình như áp dụng tục ngữ, thành ngữ vào trong câu nói:

No mắt ngon, giận mắt khôn

Hoặc đưa điển tích vào trong câu lối, làm giàu hình ảnh và ý nghĩa của câu:

Người đã bắt cầu Ô Thước

Tôi xin buộc mối xích thừng

### 3. Quy tắc của điệu nói lối:

Nói lối phải phân biệt câu trống và câu mái. Phân biệt câu trống - câu mái tức là ý muốn nói về cao độ của hai vế khác nhau. Vế trống bao giờ cũng mang tính chất mạnh mẽ, khỏe hơn. Do đó, khi nói lối phải giống hơi cao hơn. Còn vế mái mang tính chất dịu dàng mềm mại, nên khi hát không được giống hơi cao.

Vế trống bao giờ cũng phải hát trước và vế mái phải hát sau. Nếu hát câu trống mà không hát câu mái thì không trở thành khúc điệu. Khi đã trở thành khúc điệu thì phải tùy trường hợp, hoàn cảnh của nhân vật để hát cho có trầm có bổng.

Khi hát vế trống hoặc vế mái phải tùy thuộc vào câu lối ấy gồm mấy chữ để ngắt hơi và chừa số chữ hợp lý.

Sắp lối từ 4 đến 7 chữ, câu trống phải hát và ngắt hơi và chừa sau cùng 4 chữ. Và khi hát câu mái phải chừa sau cùng hai chữ. Tuy nhiên cũng có trường hợp phải linh động trong việc ngắt hơi để khi hát làm rõ thêm nội dung của vế lối. Ở điểm này chúng ta phải lưu ý đến phân ngữ pháp. Dù cho có thực hiện nguyên tắc phân câu, bỏ chữ để ngắt hơi, nhưng chúng ta phải lấy ý làm chính. Không vì nguyên tắc máy móc mà khi hát lại làm cho vế lối, câu lối không rõ ý. Như vậy sẽ có hại cho nội dung.

Khi hát đến vế mái cuối cùng của sắp lối phải tùy thuộc vào các loại làn điệu để ra vĩ vào thủ cho phù hợp. Mục đích của ra vĩ, vào thủ là nhằm chuyển điệu và báo cho dàn nhạc biết được để tấu nhanh hay chậm, hát nữa hay dứt...

Điều cuối cùng là trong khi nói lời phải lưu ý kỹ đi, kỹ điệp lời, điệp câu, điệp vế. Muốn tránh được điều đó chúng ta phải thực hiện nguyên tắc “tiền bản, hậu phú” có nghĩa là khi hát chữ trước, hoặc câu trước hay vế trước phải nói nhẹ hơn, thấp hơn. Còn chữ sau hoặc câu sau, hay vế sau phải cao hơn, nặng hơn. Tức là phải có trầm, có bổng.

#### 4. Các kiểu nói lời:

Có nhiều kiểu nói lời. Trong đó những kiểu nói lời thường dùng nhất trong nghệ thuật hát tuồng là:

**4.1. LỜI XÂY:** thường gọi là lời ghé (do các nhân vật thường ngồi ghé để xưng tên rồi biểu thị tâm tình. Kiểu này thường dùng ở đầu vở kịch, lớp kịch. Các nhân vật vua, chúa, quan lại hoặc đào kép chánh trong vở là hay dùng. Trong lời xây cũng có nhiều loại: Xây tá và Xây thượng.

- Xây Tá (*Diễn tả tâm trạng vui tươi, phấn khởi*):

Cảnh an lạc mưa hòa gió thuận

Cuộc thanh bình nước trị nhà an

- Xây Thượng (*ngghiêm trang, diễn tả tâm trạng suy tư, lo âu*).

Nghĩ cuộc sống giận cha lòng những nát

Gẫm thân mình đôi cảnh luống chua cay

Ngoài ra có một loại Lời xây mang tính chất trung hòa giữa xây Tá và xây Thượng, đó là Xây dựng (*Phụ họa hỗ trợ cho tính cách và hoàn cảnh của nhân vật*)

Dân tộc đương cơn khói lửa

Giang sơn còn lắm chông gai

*(Vây thì chúng ta)*

Diệt quân thù gái cũng như trai

Giúp vận nước suy rồi lại thịnh

**4.2. LỜI DỰNG:** Là loại nói lời thông thường nhất để các nhân vật bộc bạch tâm sự, hoàn cảnh của mình. Tính chất tự sự giao đãi, hơi khỏe, hơi nhanh hoặc hơi chậm tùy theo tính cách nhân vật và hoàn cảnh tình huống kịch.

Con trẻ đừng sợ hãi

Cha già đã đến nơi

Lời tùy nghi bẩm báo vừa rồi

Hình thiếu nữ (*sao mà*) ngần ngơ dường ấy

*(Lời nhân vật Đát Kỷ - trong Tuồng Trầm hương các)*

**4.3. LỜI ĐIỆP:** Đây là loại lời ngân nga, kéo dài chữ, có lên xuống trầm bổng rõ ràng. Thường dùng cho các nhân vật nữ cao quý.

Kề trưởng phụng nhọc lòng suy nghĩ

Ngóng đèn rồng chạnh dạ bi thương

Ba em đà đem thối bấy lương

Một mình phải cam bẻ khô lụy

*(Lời nhân vật Nguyệt Hạo - trong Tuồng Sơn hạo)*

**4.4. LỐI BÓP:** Là làn điệu quan trọng trong nghệ thuật hát tuồng, biểu hiện tính chất hùng mạnh, thường dùng để thể hiện cao trào của tình cảm, của vở kịch, dùng trong lúc xung đột, ra trận, căng thẳng, đột biến, bất ngờ. Lối bóp chia làm nhiều loại: Bóp dựng, Bóp ai, Bóp đập...

- **LỐI BÓP THƯỜNG:** Nói trong hoàn cảnh bị căng thẳng

Anh hùng đừng nản chí

Nản chí chẳng anh hùng

Yêng hỷ phò Hoàng tử, Thứ cung

Mau ra chốn Đồng quan lánh nạn

*(Lời nhân vật Khương Linh Tá - trong tuồng Sơn hạo)*

- **LỐI BÓP DỰNG:** Nói trong lúc gấp gáp, mạnh mẽ, đánh nhau

Bước anh hùng đã lỡ

Gan nhi nữ càng dày

Nếu chẳng liều sinh tử giữa chông gai

Ai còn kể ân tình trong nước lửa

*(Lời nhân vật Kỷ Lan Anh - trong Tuồng Hộ sanh đàn)*

- **LỐI BÓP ĐẬP DỰNG:** Nói từng tiếng theo nhịp trống Rục, đập Xuân thì khỏe, ngắt.

Xin bà dòi chốn khác

Khá lên ngựa cho mau

Từng nghe bà thiện dụng bảo đao

Tôi đánh để một đôi song kiếm

Phòng khi nguy biến

Ngăn chúng tặc binh

Đêm tối lánh mình

Đường xa lướt dậm

*(Lời nhân vật Đổng Kim Lân - trong Tuồng Sơn hạo)*

- **LỐI BÓP ĐẬP AI:** Nói từng tiếng theo nhịp trống Rục những giai điệu bi ai, chữ trước lúc ngắt hơi thì kéo dài:

*(Phu quân ơi!)*

Thà không tài nhảy ngựa cướp cờ mà chịu tội bó tay nơi điện bệ

Đã có sức xô thành phá lũy nữ ôm lòng chịu xấu chốn phòng khuê

*(Lời nhân vật Đào Tam Xuân - trong Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

- **LỐI BÓP AI (HOẶC BÓP LỤY)**: Là loại nói lối chậm, bi ai nhưng các chữ không nhấn mạnh theo như Bóp đập ai mà các chữ chỉ nói theo kiểu kéo dài nhấn luyến của hơi ai. Về trống ngắt câu như lối bóp thường, còn về mái chừa lại sau 4 chữ (khác với các nguyên tắc nói lối thường là về mái chừa sau 2 chữ)

Nhìn vương muội khôn ngăn giọt lệ  
Nhớ Trịnh Công khó lấp nỗi sầu  
Bởi vì đâu gây cuộc bể dâu  
Cho đến nỗi quân ba tan tác

*(Lời nhân vật Cao Hoài Đức - trong Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

Tất cả các loại nói bóp trên đều được nói trên nền đệm của bài nhạc Bóp tuồng. Giai điệu bài bóp bi hùng là đặc trưng của âm nhạc tuồng.

**4.5. LỐI AI**: Là loại nói lối có giai điệu mang hơi buồn bã, có thể nói riêng và thông thường nói lối ai dẫn xuống hát Nam ai. Thường được sử dụng trong hoàn cảnh bi thương, chia ly, đau xót: cha con, chồng vợ phải chia tay, anh em chia lìa, gia đình ly tán hoặc đau xót trước hoàn cảnh hết sức đặc biệt.

Thân bạn nhẹ dường chiếc lá  
Lưỡi thù bén quá con dao  
Kíp bùng đầu về nấp nội trào  
Đành nuốt lệ vào nơi ngọc bệ

*(Lời nhân vật Cao Hoài Đức - trong Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

- **Lối đập ai**: không trên nền nhạc Bóp mà nói rời trống rục theo từng chữ, đàn nhị dạo tòng hơi ai, tình cảm bi lụy nhưng dồn dập.

Bên cạnh các loại nói lối còn có những câu nói ngắn, đoạn nói ngắn được gọi là **Hường, kể và tán**

- **HƯỜNG**: là những đoạn nói thường, ngắn ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu nói lối, hát nam, hát khách hoặc tất cả các làn điệu khác.

Ví dụ:           **Thán**:           Thương bấy nhà Tề nền xã tắc  
Giận thay họ Tạ thói gian manh

Hường:           *(Thương hại cho tôi giờ đây vô một mình, ra cũng một mình, tôi biết lo liệu cùng ai đây)*

- **KỂ**: là những câu nói ngắn phụ giữa các câu nói lối hoặc giữa các câu hát các loại

VD:               *(Chúng ta phải)*  
                      *(Phu quân ơi!)*

- **TÁN**: là những câu nói lối ở đầu câu hoặc ở giữa các câu hát Nam (*Nam Xuân, Nam Ai, Nam Xuân nữ*). Mục đích làm phong phú thêm làn điệu, từ hát Nam chuyển nói lối rồi lại về hát Nam nhưng vẫn trên nền bài hát Nam. Tán thường là câu nói 5 chữ hoặc 7 chữ, nhưng 5 chữ là đặc dụng nhất. Tán nằm giữa loại hát Nam nào thì phải nói theo tính chất của loại hát Nam đó.

Công cả chưa nêu vân các  
Máu oan đã nhuộm chinh bào  
**Tán** Lòng người ví tợ chòm mây nổi  
Cuộc thế minh minh lớp sóng xao  
*(Em ơi!)*

**Hát Nam** Tiếc thương còn biết thế nào  
*(Em chết oan ức làm ri ai mà không thương không tiếc em ơi)*  
Quyên sôi máu hận nhận gào đêm thu  
*(Lời nhân vật Cao Hoài Đức - trong Tuồng Trâm Trinh Ân)*

## II. HỆ THỐNG HÁT NAM

### 1. Định nghĩa:

Hát Nam là loại hình làn điệu rất chủ yếu trong nghệ thuật hát tuồng, và nó không thể thiếu trong bất kỳ vở tuồng nào. Hát Nam dùng khi tình cảm của nhân vật lên tới cao trào trong tình huống kịch. Vui nhất thì hát Nam Xuân, buồn thì hát Nam Ai. Cụ Đào Tấn thường dạy các đào kép của mình: *“Hát Nam gồm có giọng Xuân và giọng Ai. Giọng Xuân ít buồn đầy thi vị dùng trong những cơn ly biệt, sầu tình. Giọng Ai hát trong cảnh đau khổ, nã nê. Những câu hát Nam, dù hát giọng Xuân hay giọng Ai đều nói theo những câu lối cùng giọng. Đào kép muốn trỗi giọng Nam thì phải nói lối mở Vĩ cho rành: hễ nói giọng Xuân thì hát Xuân, giọng Ai thì hát Ai”*

Tuồng xưa chia hát Nam ra thành hai loại chính là Nam Xuân và Nam Ai như cụ Đào Tấn đã nói. Nhưng trong thời kỳ 1930 - 1945, do ảnh hưởng của dòng văn học lãng mạn và nghệ thuật cải lương tài tử phát triển mạnh nên các nghệ sĩ tuồng thời đó đã dựa trên cơ sở của Nam Ai pha trộn với kiểu cách của nghệ thuật Xuân nữ cải lương sáng tạo ra một loại hát Nam mới gọi là Nam Xuân Nữ (còn gọi là Nam pha). Tính chất của Nam Xuân Nữ là bi lụy, buồn man mác. Nguyên tắc hát của Nam Xuân nữ cũng có lối tán Xuân nữ dẫn xuống hát luyến láy nhanh hơn, dồn dập hơn so với Nam Ai.

### 2. Cấu trúc, đặc điểm và tính chất

- Cấu trúc: Hát nam thường viết theo thể thơ lục bát, song thất lục bát, lục bát phá thể. Còn văn xuôi là dùng cho hường và kẻ. Nhưng cũng có trường hợp dùng tán. Nếu nhân vật ấy có nhiều tâm trạng hết sức éo le thì dùng thể thơ thất ngôn rồi xuống hát nam. Hoặc có dùng tán thì dùng thể thơ ngũ ngôn. Cấu trúc của hát Nam thông thường thì có 3 câu gọi là 1 sắp. Câu thứ nhất gọi là câu trống gồm có 2 vế theo thể song thất lục bát phá thể (vế trống 6 chữ, vế mái 7 chữ). Câu thứ 2 gọi là câu mái, bao giờ cũng ở thể lục bát.

- Đặc điểm: Trước khi bước vào hát Nam bao giờ cũng phải chuyển điệu. Vì trước hát nam là phải nói lối sau đó mới xuống hát nam. Danh từ chuyên môn người ta gọi là vào thủ ra vĩ. Tức là vào đầu hát nam, ra đuôi nói lối - Nhằm mục đích để dứt điệu nói lối và chuyển sang hát nam. Đồng thời để báo hiệu cho dàn nhạc biết để chuyển điệu. Khi vào thủ, ra vĩ, vế đầu tiên của hát nam bao giờ cũng phải lặp lại 2 chữ cuối hoặc 6 chữ cuối của vế nói cuối cùng của sắp lối.

- Tính chất: Tính chất của điệu hát nam hùng hay bi, vui tươi hay buồn tẻ là do ngữ điệu, ngữ khí của người diễn viên thông qua nội dung của câu đó, kết hợp với vai trò hỗ trợ của âm nhạc.

### 3. Các điệu hát nam

**3.1 NAM AI:** dùng để diễn tả tình cảm bi lụy, đau thương, mất mát, chia ly sâu thẳm, diễn tả và bộc lộ đến tận cùng của sự đau xót và thê thảm nhất về tình cảm con người. Nó gọi lên một không khí buồn bã, ảo não, thê lương. Tiết tấu chậm nhưng không phải rề rà. Có 2 kiểu, 1 kiểu thường dùng rất chậm để diễn tả tình cảm bi lụy và 1 kiểu dùng nhanh khi nhân vật mang tâm trạng đau thương trong hoàn cảnh đi đường gấp gáp.

- Nam ai khác với nam bình ở chỗ: Nam bình chỉ được nổi chữ thuộc dấu sắc và dấu hỏi. Còn nam ai thì nổi cả dấu sắc, dấu hỏi, dấu ngã và dấu nặng. Nhưng cũng có những chữ dấu sắc theo nam bình thì nổi được. Nhưng ở nam ai neeys nổi sẽ cần điệu. Sỡ dĩ có tình trạng trên là vì: hai giọng hát đều là điệu nam, nhưng khác nhau là cung bình và cung ai.

Nam ai hát trông, mái hoàn toàn khác với nam bình, Vì giọng hát đi theo cung ai của nhạc nên lấy luyện dư âm của chữ ấy không có giọng nổi lên mà chỉ đi ngang theo giọng về dấu không.

Trong nam ai cũng thường hay có trường hợp trùng âm hoặc trùng thanh. Khi hát nếu gặp một trong hai trường hợp đó ta cũng phải áp dụng quy tắc “tiền bản, hậu phú” chữ trước ta lấy nhẹ và ngắn hơn, chữ sau ta lấy dài và mạnh hơn.

Trong nam bình, câu trống phần nhiều là phải lấy và nổi lên (từ không dấu lên dấu sắc) nhưng trong nam ai (trừ những chữ được nổi) còn tất cả đều phải lấy ngang giọng theo âm hưởng của chữ đó và chú ý vào 2 chữ ở cuối câu để phân trống, mái. Nếu không sẽ hát giống nhau.

Nam bình cũng như nam ai, khi hát phải ký đếm. Có nghĩa là câu trống cũng như câu mái (Đặc biệt là thể thơ lục bát) cứ hát xong hai chữ lại hát tiếp hai chữ khác, không có trầm bổng, cũng chẳng có nhịp khoan. Hát như vậy nó sẽ tạo nên cảm giác khó chịu đối với người nghe bởi không phù hợp với tâm tư, tình cảm và tâm trạng của nhân vật.

#### - Các điệu Nam Ai thường dùng:

Sương phủ phát phơ vườn hạnh

Mưa mai lác đác cành dương

**Lối ai:** *(Thôi thôi)*

Đã phui rồi son phấn một trường

Âu trở lại nước non ngàn dặm

**Nam ai:** Ngàn dặm thẹn cùng non nước

Gấm mơ màng thân trước thân sau

Dặm hòe một bước một đau

Nhìn phong cảnh cũ ra màu dờ dang

Ôm lòng hổ với phu lang

Trăm năm lỗi hẹn cũng chàng từ đây

*(Lời nhân vật Hồ Nguyệt Cô - Tuồng Trầm Hương Các)*

**Hay**

*(Trịnh Đệ em ơi)*

Thân bạn dường như chiếc lá

Lưỡi thù bén quá con dao

*(Tôi biết ăn nói làm sao đây, thôi thôi)*

Lau lẹ mà gác nỗi thương đau



**Hát Nam** Ôm đầu kíp về tâu cửa bệ  
 Âu kíp về tâu cửa bệ  
*(Có ra chi đâu em ơi!)*  
 Người ở đời thác thể chiêm bao  
 Em ơi công cả chưa nêu vân các  
*(Mà bây giờ đây)*  
 Máu oan đã nhuộm chinh bào  
 Lòng người ví tợ chòm mây nổi  
 Cuộc thế minh minh lớp sóng xao  
*(Em ơi!)*  
 Tiếc thương còn biết thế nào  
*(Em chết oan ức làm ri ai mà không thương không tiếc em ơi)*  
 Quyên sôi máu hận nhận gào đêm thu  
 Bởi vì đâu gieo sầu kết oán  
*(Thương hại cho tôi bây giờ đây)*  
 Một bước đường một đoạn thương đau

*(Lời nhân vật Cao Hoài Đức rọi đèn - trong Tuồng Đào Tam Xuân loạn trào)*

**3.2 NAM BÌNH:** Điệu nam Bình mang tính chất vui tươi, tiết tấu thư giãn và thường được sử dụng đối với các nhân vật văn nhân, trí sĩ... và thường được áp dụng trong hoàn cảnh yên bình. Ví dụ như tự sự đời tư, tả chuyện hành trình, bộc lộ ý chí và hoài bão trong tiền đồ, sự nghiệp, thỏa mãn với thành tích đã đạt được hay hứa hẹn khi tiền biệt nhau.

**- Các loại nam bình thường dùng:**

**\* NAM BÌNH HẠN**

Nói lối Anh dù chết em cần phải sống  
 Nhà dù tan nước giữ cho còn  
 Mây sâu giăng ải Bắc dập dòn  
 Lửa hận cháy trời Nam phùng phục  
**Hát Nam:** Phùng phục lửa tim không nguội  
 Quyết một lòng chẳng đội trời chung  
**Điệu tán:** Dân tình chơn thống khổ  
 Tổ quốc nổi tồn vong  
 Nếu người còn tâm huyết  
 Ngồi vậy ngó sao xong  
**Hát Nam:** Bao thu cá chậu chim lồng  
 Thù lan bể rộng oán chồng non cao

### \* NAM BÌNH MANG HƠI THIỀN

Ví dụ: Cởi cà sa từ giả chôn am thiền  
Vung đôi búa thẳng xông miền kinh địa  
NAM: Kinh địa cứu nguy nữ chúa  
Chôn am thiền dậy lửa trần ai  
Xót thân hồ với cao dày  
Nung gan giúp nước chau mày phụ cha  
Tưởng oan gia càng sa nước mắt

*Nam mô a di đà Phật!*

Gan anh hùng trở mặt từ bi

*(Lời nhân vật Tư Cung - trong Tuồng Ngọn lửa Hồng Sơn)*

### \* NAM BÌNH THƯỜNG

Phi Hồ : Từ min ra làm tướng  
Nay biết sức Trụ Vương  
*(Như Trụ Vương là)*  
Tài nên tài dũng quán tam quân  
Sức đáng sức long tranh hổ đấu  
*(Các em)* Ân Thọ đã thế suy thối hậu  
Truyền các em tiến giới bài quan  
Khoan khoan phát cò sâm  
Từ từ ra ải nhận  
**NAM** ải nhận từ từ giờ vọt  
Gẫm sự tình, chua sót đòi con

*(Lời nhân vật Hoàng Phi Hồ - trong Tuồng Trâm Hương các)*

### 3.3 NAM XUÂN

Hát Nam xuân thường dùng trong các hoàn cảnh đi đường, dạo chơi, ngắm cảnh, chia tay. Chỗ dùng và nghệ thuật hát của Nam xuân rất phong phú. Nếu vui vẻ thì hát hơi nhanh, đúng chất xuân. Nhưng nếu có tâm trạng lo âu, suy tư thì hát chậm hơn, láy thưa hơn gọi là hát nam bình. Nếu diễn tả sự buồn thảm vì ly biệt nhưng vẫn phải giữ khí chất người anh hùng thì hát chậm hơn nữa, giọng vẫn cứng cỏi nhưng bi thương thì gọi là nam bình lụy. Hoặc tùy theo tính cách nhân vật vật, hoàn cảnh diễn mà người nghệ sĩ có thể sáng tạo thêm luyến láy, chủ động tạo tiết tấu nhanh chậm làm sinh động thêm cho điệu hát nam xuân.

### NAM XUÂN DẠO CHƠI

Ví dụ:

**Lối xuân**

Truyền di tán phụng

Xa trải đường hoa

Ngõ từ chốn triều ca

Kíp trông chừng bửu điện

**Nam Xuân**

Bửu điện xe rồng trực chỉ

Cảnh thanh bình sơn thủy thanh cao

Gió hương thổi lọt hoàng bào

Cầu mai tuyết điểm, động đào sương giăng

Khang cù tiếng hát vang rân

Xiêm Nghiêu thông thả chín tầng võ an

*(Lời nhân vật Trụ Vương – trong Tuồng Trảm Hương Các)*

**NAM XUÂN NỮ**

Nam xuân nữ không có trong tuồng truyền thống mà chỉ xuất hiện trong tuồng tiểu thuyết, dân gian, lịch sử cận đại và hiện đại được sáng tác và dàn dựng từ thời kỳ 1930 - 1945 trở lại đây. Cấu trúc văn học giống Nam Xuân và Nam Ai, nguyên tắc và luyện láy dựa trên cơ sở của Nam Ai pha thêm chất Xuân nữ của nghệ thuật cải lương tạo ra một thể loại Nam Xuân Nữ mùi mẫn, luyện láy nhanh hơn Nam Ai, dùng được trong mọi hoàn cảnh chia ly, hoặc diễn tả tâm sự buồn rầu lúc đi đường, tiết tấu đậm nhanh gấp đôi Nam Ai, giai điệu êm dịu hơn và được dùng rộng rãi hơn Nam Ai.

Nam Xuân Nữ khi nói lối Tán xuống hát có một bài nhạc riêng đậm cho Tán. Người hát kêu lên một tiếng ngân dài hoặc trong lối Tán kéo dài chữ ngắt hơi để cho đàn nhạc vào tán nam, rồi sau đó khi nào xuống hát thì nhạc mới vào bài Nam Xuân nữ.

Trại Ba công chúa: *(Bớ phụ vương!)*

**Nhạc vào tán xuân nữ**

Vì muốn cho chồng khỏi nạn

Để cho trọn nghĩa cang thường

Để sá bao thân trẻ dầm sương

Cảm thương nỗi cha già tựa cửa

Nam xuân nữ: **Nhạc chuyển hát Nam xuân nữ**

Thương nỗi cha già tựa cửa

*(Địch Long, Địch Hồ con ơi)*

Xót xa vì măng sữa con thơ

*(Lời nhân vật Trại Ba - trong Tuồng Xử án Bàng Quý Phi)*

Đó là kiểu Tán Xuân nữ sau tiếng kêu “bớ phụ vương”... Còn sau đây là kiểu tán xuân nữ từ chỗ nghĩ ngắt hơi:

Lý Thần Phi: *(Như tôi đây)*

Một phen lâm *(nhạc tán xuân nữ)* kể độc mưu sâu

Nửa đời chịu thân tàn ma dại *(nhạc hát Nam)*

**Hát Nam Xuân nữ:**

Ma dại thân tàn mòn mõi

Nghĩ phận mình nhiều nỗi chua cay

Mưu kia ai khéo đặt bày

Đề cho thân mụ thánng ngày đau thương

*(Lời nhân vật Lý Thần Phi - trong Tuồng Bao Công xử án Quách Hòe)*

Như vậy, trong cách tán và hát Nam Xuân Nữ có phần nhạc đệm đầy đủ và tiết tấu của nhạc hát nhanh hơn gấp đôi nhạc tán nên sắc thái mạnh mẽ, thúc giục, bi thương, sức thu hút người nghe mạnh hơn hát Nam Ai.

# III. HỆ THỐNG HÁT KHÁCH

## 1. KHÁI NIỆM:

Hát khách là loại làn điệu thường cấu trúc theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Tức là mỗi vế đều có 7 chữ mà người ta thường gọi là khách thơ và có loại văn phú lục từ 11 chữ trở lên người ta gọi là thể phú. Trong hát khách cũng phân chia trống - mái. Vế đầu là vế trống, vế 2 là vế mái, vế thứ 3 là vế trống và vế thứ 4 là vế mái.

## 2. TÍNH CHẤT OVA HOÀN CẢNH SỬ DỤNG

Hát khách thường mang tính chất hùng hồn, mạnh mẽ, khoan thai, vui vẻ và không suốt mướt như hát Nam. Tuy nhiên cũng có trường hợp uất ức vì số phận bị vu oan, hay chán đời tự vận. Hoặc ly biệt cũng có thể hát khách nhưng vẫn hát cứng cáo hơn hát nam.

Điệu hát khách là điệu thông dụng và được sử dụng trong các trường hợp như giao chiến, cử binh, hành binh, đối thoại. Hoặc khi chén tạc, chén thù, lúc giục ngựa ra đi, khi ca khúc khai hoàn hay lúc tức cảnh sinh tình.

Do tính chất và hoàn cảnh sử dụng trong mỗi trường hợp có khác nhau, do đó cách hát, cách thể hiện (Đặc biệt là láy, luyến và tiết tấu phải khác nhau).

## 3. CÁC ĐIỀU HÁT KHÁCH

### 3.1 HÁT KHÁCH THƯỜNG

Hát khách thường là loại hát khách viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (7 chữ) bao gồm các loại như: Khách hành binh, khách tửu, khách than, khách tẩu... Tính chất của những điệu hát khách này tùy theo mỗi loại có tiết tấu khác nhau.

Loại hát khách phân binh, hành binh, tính chất hùng hồn, mạnh mẽ, tiết tấu nhanh và thường áp dụng trong hoàn cảnh gấp rút. Còn khách tửu mang tính chất nhàn hạ, vui vẻ, tiết tấu chậm hơn và được dùng trong hoàn cảnh vui vẻ lúc anh em chén tạc, chén thù. Khách tẩu mang tính chất vội vàng, khẩn trương, gấp rút, tiết tấu nhanh và thường dùng trong các trường hợp phi báo việc gấp hay lên ngựa để lánh nạn... Còn đối với khách than mang tính chất ai oán, uất ức. Tiết tấu chậm và được sử dụng trong những trường hợp bị oan ức, tức tối, nhưng lại tỏ ra cương trực.

Khi hát khách thường, 1 người thường sử dụng 2 câu. Nếu hát 2 người trở lên thì thường sử dụng 4 câu hoặc nhiều hơn. Khi hát vế trống ta phải bắt 2 chữ đầu, nếu gặp 2 chữ trùng thanh thì ta bắt luôn cả 3 chữ, sau đó ta ngắt hơi và hát tiếp láy lệ. Tức là *ừ ừ ừ ừ* hoặc *ừ ừ ừ ừ*.

Khi hát câu mái (nếu chưa dứt) thì ta phải láy về chữ *ừ ừ ừ ừ ừ...* nếu câu mái ấy là câu cuối cùng thì ta phải láy dứt, tức là *ừ ừ... ừ ừ ừ*.

\* **KHÁCH HÀNH BINH:** là một loại nằm trong hệ thống hát khách. Khách hành binh hát với tiết tấu nhanh, sôi nổi thường dùng khi vua chúa, tướng lĩnh cử binh ra trận.

Trợn nghĩa tòng phu hăm hờ ra binh đàn nuôt lệ

Đền ơn gia lão, sạch sành rửa oán quyết ra tay

*(Lời nhân vật Đào Tam Xuân - trong Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

\* **KHÁCH ĐỐI THOẠI:** Trường hợp này dùng nhiều, là chỗ đặc dụng của hát khách, bởi vì khách đối đáp mới hay. Khách đối thoại có thể 2 người cùng hát 1 câu, mỗi người 1 vế hoặc có thể hoặc có thể mỗi người hát 1 câu trọn vẹn

**Ví dụ:**

Tiệc bấy mảnh gương thu chớ để bùn nhờn làm vẩn đục

Giận thay dòng giống Việt trót cru mang lẫn giọt máu thù

*(Lời nhân vật Trần Bình Trọng trong Tuồng Trần Bình Trọng)*

### 3.2 KHÁCH PHÚ LỤC

Khách phú lục thường cấu trúc từ 11 chữ trở lên và thường mang tính chất thơ mộng hữu tình và hay dùng trong trường hợp du ngoạn, vui chơi để thưởng thức cảnh vật thiên nhiên. Phần nhiều là áp dụng cho các nhân vật tiên nữ, đào, hoặc kếp đi chơi... Tiết tấu thông thả nhưng không rề rà.

Hát khách phú lục cũng giống như một số điểm của hát khách thường nhưng chỉ khác ở chỗ: hát khách thường được cấu trúc theo thể thơ thất ngôn (7 chữ) nhưng đối với khách phú lục thường cấu trúc theo thể phú gồm 11 chữ trở lên. Điều thứ 2 khác nhau là về láy lệ. Nếu hát khách thường láy lệ là *ừ ừ ừ w ừ hoặc ừ ừ ừ w...* thì hát khách phú lục, láy lệ là: *ừ.. ừ.. ừ.. ừ.. w.. ừ.. ừ.. ừ.. ừ..* Tức là láy phải nặng cao hơn và kéo dài dài hơn láy lệ của hát khách thường.

**Ví dụ:** Câu hát khách phú lục của Loan Dung trong vở Lý Phụng Đình:

Xuân cảnh, xuân người khéo tả niềm vui cho hết ý

Nguyệt ngời, nguyệt bóng khôn đem ánh nguyệt vẽ nên hình

*(Các em này, để cô kể chuyện ngày xưa cho các em nghe)*

Triệu Gia Nữ được trọng một đời (*chẳng qua là*) hát, múa, cầm, thi đàn  
lão luyện (*chớ còn*)

Ngô Giáng Tiên đẹp, còn nhiều mặt vũ, văn, tài, sắc thảy tinh thông.

*(Lời nhân vật Loan Dung - trong Tuồng Lý Phụng Đình)*

### 3.3 KHÁCH HỒN

Khách hồn có tính chất yếu, chập chờn vì là hồn ma. Và thường được sử dụng cho những kẻ trung thân không may bị tử vong. Khi chồng, vợ, bạn bè hay tôi chúa bị lâm nguy thì hồn người chết hiện lên báo tin hoặc cứu giúp để người đó thoát vòng tai nạn.

- Hát khách hồn thường cấu trúc từ 11 chữ trở lên. Vì là hồn ma nên dù việc đó có gấp rút và vội vàng đến đâu cũng không thể hát nhanh được, mà phải hát kéo dài, láy từng chữ. Nhưng giọng điệu phải mượt và nhẹ nhàng, thể hiện tinh thần khẳng khái. Bộc lộ được tình cảm trong sáng và rất mực thủy chung.

**Ví dụ:** Trong vở Tuồng "*Sơn hậu*", khi biết Tạ Ôn Đình đem binh đuổi theo, tình thế rất nguy cấp, Linh Tá đã hiện lên thành ngọn đèn soi đường để Đồng Kim Lân phò ấu chúa vượt qua tai nạn:

Yêng hời, Đồng Kim Lân - tác dạ thủy chung, núi hiểm hang cùng  
không bỏ bạn.

(Em đây)

Em thật Khương Linh Tá, vẹn thề sinh tử, đèn hồng non  
thắm quyết theo nhau.

Thế giặc phủ vây, quanh núi Ôn Đình binh tiến gấp

Sườn non vượt khỏi, trên đường Sơn hậu bước lần theo

**(Lời nhân vật Khương Linh Tá - trong Tuồng Sơn hậu)**

Hoặc nhân vật Giả Thị trong vở “**Hoàng Phi Hồ quá giới bài quan**” đã hiện hồn  
báo tin để Hoàng Phi Hồ biết là Trần Ngô đang dùng hỏa công để giết Hoàng Phi Hồ.

Tử biệt sanh ly - hứa cử tương tri đồ trưởng võng

Thiếp khởi vong tình - kỳ độ xuân phong không đới hận...

**(Lời nhân vật Giả Thị trong vở “Hoàng Phi Hồ quá giới bài quan”)**

Về luyến láy cũng giống như hát khách thường. Riêng luyến láy có khác hơn, cụ thể  
là: *ừ... ừ... ừ... ừ.. ừ ừ ừ...* còn luật trống, mái và phương pháp nhả chữ, chuyển chữ  
cũng giống như hát khách thường.

### \* HÁT TẤU MÃ

Hát tấu mã được coi là một dạng của hát khách. Vì từ cấu trúc văn học của hát  
tấu mã đến luyến láy, thang âm điệu thức giống với hát khách. Hát tấu mã tiết tấu  
nhanh gần như gấp đôi hát khách thường, luyến láy ngắn gọn, rõ nét từng chữ để diễn  
tả không khí khẩn trương, dồn dập, căng thẳng.

- Điệu hát tấu mã có tính chất mạnh mẽ. Tiết tấu nhanh và khẩn trương gấp rút,  
đa phần đều biểu hiện sự vui tươi. Nhưng cũng có trường hợp sâu bi, thương xót, đau  
đớn. Nhưng nó vẫn thể hiện được tính chất nhanh nhẹn, không chậm chạp, rề rà.

- Do tính chất đa dạng đó nên điệu hát tấu thường được sử dụng trong nhiều  
hoàn cảnh khác nhau. Ví dụ như: Báo tin khẩn cấp - Đánh bị vây - Vừa đánh vừa phá  
trận để thoát nạn hoặc truy đuổi giặc, xưng danh, khoe tài hay mừng rỡ trước một sự  
việc đã thành công hoặc truyền lệnh, cử binh.

- Hát tấu mã được cấu trúc theo thể thơ tứ tuyệt hoặc thể đối (song quan biên  
ngẫu từ 7 chữ trở lên. Tuy nhiên, do diễn tả sự khẩn trương nên hát tấu không bao giờ  
có cấu trúc nhiều chữ. Thông thường nhất là 7 chữ và 11 chữ).

- Cách thể hiện hát tấu mã: Hát tấu mã thường chỉ có 1 loại. Khi hát bao giờ câu  
trống cũng phải nắm vững luyến láy trống, luyến láy mái. Khi mở miệng ta phải hát chữ đó sau  
nhịp trống canh hay còn gọi là phách ngô. Tuy nhiên cũng có luyến láy sau phách ngô.  
Cũng có chữ và luyến láy dập nhịp.

Nhịp hát tấu: Cắc cộc cắc - cắc cộc cắc.

**Ví dụ 1:** (Những chữ gạch ngang là dập nhịp. Những chữ không gạch ngang tức  
là không dập nhịp)

Quân giặc *ừ ừ* quá bạo *ừ ừ* tàn *ừ ừ* (nó đem quân đến đây dặng  
mà) vây bắt cả *ừ* nhà *ừ ừ* đều... giết *ừ* sạch *ừ à ừ ừ ừ*.

Hai bà mau lánh *ừ* gấp *ừ* (kéo mà) chậm trong giây phút *ừ* mạng  
không *ừ ừ à ừ ừ* toàn.

**(Quan Công hồi Cổ Thành)**

# CÁC LÀN ĐIỆU KHÔNG NHỊP

Nghệ thuật hát Tuồng có rất nhiều làn điệu không nhịp đóng vai trò khá quan trọng để thể hiện tình cảm của các nhân vật. Các loại làn điệu không nhịp này bao gồm Bạch, Thán, Xướng, Oán, Ngâm, Vịnh... được sử dụng rộng rãi khi giới thiệu nhân vật hoặc tâm trạng vui, buồn, uất ức trong đêm khuya hoặc khi dạo chơi dạo nguồn thi hứng. Sự góp phần của các làn điệu này đã giúp các nhân vật biểu lộ tình cảm một cách vi tế và làm phong phú thêm làn điệu hát Tuồng. Cấu trúc văn học của các làn điệu này cũng gần giống nhau, lấy thể thơ tứ tuyệt làm chủ yếu. Còn tùy tâm trạng, hoàn cảnh của nhân vật mà thêm bớt, biến hóa cho sinh động. Và khi hát có kèn hoặc nhị đệm tòng theo giai điệu.

## 1. BẠCH

Là làn điệu dùng để giới thiệu, trình bày tính cách của nhân vật, thường là những nhân vật anh hùng, nữ kiệt. Khí thế của bạch sôi động, hùng tráng. Mỗi nhân vật chỉ sử dụng (nếu có) làn điệu Bạch một lần khi xuất hiện lần đầu trên sân khấu. Cấu trúc của Bạch thông thường là thể thơ tứ tuyệt, đôi khi là tứ tuyệt phá thể. Các vế trống gần như nói lối, chữ cuối cùng kéo dài vang đúng chủ âm. Các vế mái hát có giai điệu ngân dài láy. Ở vế mái cuối, chữ cuối cùng cũng dựng lên như vế trống để tăng thêm sự hùng tráng.

Khí thiêng - lựa lọc - đúc nên ta

Một cõi non sông rạng nước nhà

Gió thét - mưa gào - tài - dũng tướng

Ai tài ba, thiếp cũng tài ba

*(Nhân vật Liễu Nguyệt tiêm - Tuồng Đào Phi Phụng)*

Nói : Cái thế - anh hùng - mạc dũ kinh (trống)

Hát : Phong sương vạn lý triển bằng trình (mái)

Nói : Ngũ quan trúc quá – phò – xa tượng (trống)

Hát : Sơn hải gian nguy nhược lý bình (mái)

*(Nhân vật Quan Công - Tuồng Cổ thành)*

Có thể nói Bạch là nghệ thuật của nói lối 4 câu được nâng cao chuyên dùng cho trường hợp một nhân vật xuất hiện tự giới thiệu. Vế trống gần như nói lối, các chỗ ngắt hơi ngân dài, vế mái ngân dài, có giai điệu tự do tạo thành một thể làn điệu không nhịp rất độc đáo.

## 2. XUỐNG

Khác với Bạch chỉ dùng để giới thiệu thân thế, tính cách nhân vật. Xướng được dùng rộng rãi hơn. Có lúc dùng để nói lên cảm tưởng của mình trong lúc rảnh rang, nhàn hạ. Có lúc suy tư trầm trọc đêm vắng canh khuya cũng dùng xuống. Thường thường các vai tiên ông hay thần thánh dùng làn điệu Xướng trước khi hiện ra đi cứu nguy cho một người nào đó. Cấu trúc của Xướng cũng giống như Bạch, được viết theo thể thơ tứ tuyệt hoặc tứ tuyệt phá thể nhưng cả hai vế trống của Xướng đều hát có giai



điệu, có luyện láy, những vế trống có các chữ vần trắc đều nóng lên cao. Tiết tấu của Xướng chậm hơn tiết tấu của Bạch.

**Các loại làn điệu Xướng:**

**\* XUỐNG TIÊN**

Tú lãnh xuân tình thế sắc khai  
Ngọc tiên thanh lý hạc phi hồi  
Hồng hà tử vụ nhân tương bạn  
Bạch thạch thương tùng nguyệt tự lai

*(Nhân vật Vân Trung Tử - Tuồng Trâm Hương các)*

Điều cần chú ý ở đây là hai chữ đầu đều có vần trắc (Tú lãnh) phải láy nóng lên rồi mới hạ xuống. Kiểu có 2 chữ đầu vần trắc như trên gọi là Xướng vần trắc.

**\* XUỐNG KHI THANH NHÂN:** nêu cảm tưởng của nhân vật

Bao năm nương bóng cảnh non tùng  
Nghèo vẫn xem thường chí vẫn nung  
Thời thế chưa nên đành gửi dẫu  
Non sông còn đợi khách anh hùng

*(Nhân vật ý Phụng Đình - Tuồng Lý Phụng Đình)*

Câu Xướng này 2 chữ đầu (bao năm) thuộc vần bằng nên không có láy nóng lên như câu trên

**\* XUỐNG ĐÊM:** Khi đêm khuya suy nghĩ, uống rượu, buồn bã.

Thành Nam tiếng trống giục canh trường  
Lạnh lạnh bên lòng nguyệt gợn gương  
Trăm mối băng khuâng, đứng chẳng yên, ngồi chẳng tiện  
Năm canh thôn thức, lo càng sợ, nhớ càng thương

*(Nhân vật Cao Hoài Đức - Tuồng Trâm Trịnh Ân)*

**\* XUỐNG ĐẠO CHƠI NGẮM CẢNH**

Bóng dương thấp thoáng rọi bên màn  
Tha thướt hài hoa bước bước nhanh  
Cửa kín lạnh lùng man mác nghĩ  
Màu xuân phơi phới ngẩn ngơ tình

*(Nhân vật Loan Dung - Tuồng Lý Phụng Đình)*

**\* XUỐNG BIỆT LY:** Chậm hơn các loại xướng khác, láy kéo dài pha chất bi ai. Thông thường loại Xướng này dẫn xuống hát Nam Ai.

Đành nhẹ thân già lo việc nước  
Quyết vì nghiệp cả diệt loài gian  
Tình thâm chia cách lòng dao cắt

Già trẻ nhìn nhau lụy chứa chan  
Nam Ai: Lụy chứa chan đôi đàng ly biệt...

*(Nhân vật Nữ chúa, lão Tạ - Tam Nữ đồ vương)*

### 3. THÁN

Được dùng khi đau lòng vì thất vọng, căm tức hay khi trong cơn hoạn nạn trông ngóng, mong chờ, dạ bồi rối như tơ vò ở chốn cô phòng một đèn, một bóng. Tính chất buồn, bộc lộ sự đau khổ mãnh liệt hơn Nam Ai. Cấu trúc của Thán cũng dùng theo thể thất ngôn tứ tuyệt hoặc tứ tuyệt. Cách chia trống, mái cũng giống Bạch - Xương nhưng trước khi Thán hay dùng trợ từ **Ái a**. Các vế trống có chữ vần trắc dấu sắc cũng được lấy lên cao.

#### Các loại Thán:

\* **THÁN ĐÊM:** than thở, uất ức

Kham thán thành Thang chi tôn xã  
Nam mai Thương Thọ chi tiết danh  
*(Màn đây, trướng đây, Giả Thị em ơi)*  
Liệt phụ hữu ân hà nhẫn phé ?  
Trung quân chi chí cánh nan thành!

*(Nhân vật Hoàng Phi Hồ - Tuồng Hoàng Phi Hồ  
quá giới bài quan)*

#### Thán 6 câu dạng tứ tuyệt phá thể

*(Phu nhân a)*

Châu trần bích thủy vạn trùng ba  
Tá vấn tương tri sự nhược hà  
Đản ước chung thiên trường phú quý  
Thùy chi bình địa khởi phong ba  
Diêu vọng trùng đài tang thảm nào  
Bất tri sinh tử khổ tư ta

*(Nhân vật Xuân Đào - Tuồng Giác sanh duyên)*

- **Hoặc** *(Nguyên soái a)*

Cao sơn điên tận  
Lương kính cung tàn  
Hàn hầu vô tội cảm vân mộng  
Nguyên soái vô cơ hệ ngục đường  
Thiên lý bồn ba, lai bất dị hề quy bất dị  
Nhứt văn sáng sót, tấn dã nan hề thối dã nan.

*(Tuồng Phong Ba Đình)*

\* **THÁN ĐẠP:** được dùng trong tình huống bi thương sáng sủa tiết tấu nhanh, các chữ cùng một ý hát liền chứ không kéo dài, chậm như các thán đêm thường than vãn, trầm tư.

*(Trình đệ em ơi)*

Lòng đứt đoạn, lệ tuôn châu

Giây phút chia lìa quá đớn đau

Nửa kiếp anh hùng mong manh giọt sương treo ngọn cỏ

Ngàn năm sự nghiệp, tan tành bão bể hóa nương dâu

*(Nhân vật Tống Thái Tổ - Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

\* **THÁN BÁN XƯỚNG:** khác với Thán Đạp diễn tả tình cảm bức xúc gấp gáp, tiết tấu nhanh. Thán bán Xướng (Thán có pha Xướng) diễn tả sự than thở đau thương, trầm tư có tính chất triết lý. Bởi vì Xướng có tính chất suy tư. Cho nên khi Thán có pha Xướng vào thì tính chất chậm rãi nghiêm trang và suy ngẫm tăng lên. Loại Thán này phù hợp với các nhân vật lớn, có địa vị cao, có học thức.

Thượng mã đấng cao vọng giới quan

Vân mê man nguyệt hựu mê man

Cố đô cựu vật giai phân biệt

Bằng hữu phu thê cách nhất phương

*(Nhân vật Hoàng Phi Hổ - Tuồng Hoàng Phi Hổ quá giới bài quan)*

\* **THÁN BÁN OÁN:** Cũng là loại Thán có tiết tấu chậm, tính chất ai oán nhiều do vừa Thán vừa Oán (*Thán pha Oán*). Loại thán này chỉ dùng cho các nhân vật nữ bị lụy đau thương.

Hàn phong vô ảnh nguyệt vô lương

Phong nguyệt bình phân cát đoạn trường

Nhất hướng u sầu hà xứ thị ?

Trùng sơn cách thủy lộ mang mang

*(Nhân vật Giả Thị - Tuồng Hoàng Phi Hổ quá giới bài quan)*

Tùy theo trường hợp, tính cách nhân vật, tùy theo tình huống kịch mà người nghệ sĩ phải pha thêm chất của Xướng hoặc chất của Oán để diễn tả cho sâu tâm trạng tình cảm của nhân vật.

#### 4. NGÂM

Ngâm là đọc lớn và kéo dài tiếng ra, có trầm có bổng dùng lúc gặp cảnh động tình, khi trà dư tửu hýng...” Nói chung trong nghệ thuật Tuồng, ngâm thường dùng đúng với cái tên của nó, nghĩa là ngâm nga khi có tâm sự chạnh lòng. Ngâm có vui, có buồn. Thường trước khi ngâm thì thủ bằng chữ a kéo dài.

#### Ngâm vui:

(Hào thanh ứng a)

Hoa phi cảm trướng cảnh phi thường

Tận thị nê kim xảo dạng trang  
Đản đặc yêu kiều năng cử động  
Thủ hồi Trường Lạc thị quân vương  
*(Nhân vật Trụ Vương - Trong Tuồng Trâm Hương Các)*

HOẶC

*(Hảo phong vận a!)*

**Ngâm**                      Mọi thao lược, chỉ kinh luân  
                                  Thú vui gỏi vược với rau cần  
                                  Làng hòe chợ quế giàu tình đẹp  
                                  Lều nửa cơm bình mặc ở ăn

*(Nhân vật Thủy Định Minh - Tuồng Thuyết đường)*

Ngâm vui thì có láy như láy của Nam Xuân, còn ngâm buồn thì có láy của Nam ai nhưng không nặng nề như Nam Ai. Ngâm ai khi thủ nói không có chữ “**hảo**”, hoặc chữ “**a**” mà thường có chữ “**hà**” kéo dài

**Ngâm ai:**                *(Khỏ tâm hà...)*

                                  Cố quốc đầu lao mộng mị  
                                  Sơn đình thụ nhật khánh đoàn viên  
                                  Dụng tửu phá sâu, sâu cánh trọng

**Đồng ngâm:**            Anh hùng nhi nữ lụy san nhiên

*(Nhân vật Tiết Cương - Tuồng Hộ sanh đàn)*

Đặc biệt dàn nhạc không bao giờ dùng kèn đệm cho Ngâm, bởi tính chất của Ngâm là tự sự nhẹ nhàng, chỉ dùng đàn nhị, bầu, nguyệt, đệm tòng theo giai điệu của Ngâm, trống đồ tùng (giữa mặt trống) êm đềm, nhẹ nhàng.

## 5. VỊNH

Dùng trong trường hợp tức cảnh sinh tình, tính chất buồn man mác. Trong nghệ thuật hát Tuồng thì Vịnh ít được dùng hơn Ngâm. Cấu trúc của Vịnh cũng như Ngâm lấy thể tứ tuyệt là chủ yếu.

                                  Biển thánh rừng nho rất thâm sâu  
                                  Làn hồi đọc sách lụn canh thâu  
                                  Ngửa trông vừng nguyệt mong vin quế  
                                  Chờ rặng sông Ngân mới bắc cầu

*(Nhân vật Lý Phụng Đình - Lý Phụng Đình)*

Nét của Vịnh na ná như Ngâm, không có loại Vịnh vui nhưng láy của Vịnh cũng không bi ai lắm, hơi nhẹ nhàng, thường láy lên giữa hơi Xuân và hơi Ai.

## 6. OÁN

Giai điệu gần giống như Ngâm Ai, tính chất chậm hơn, bi ai, lời văn đầy oán trách, uất ức. Dùng cho nhân vật ở hoàn cảnh bế tắc, vô vọng.

### **OÁN NGỒI NGỰC**

Sâu là nước, thảm ấy non  
Chim kêu bạn, vượn bông con  
Ra rả chim oanh phủ tía  
Thùng thùng trống điểm lầu son  
Trăng khuyết rồi trăng lại vẹn  
Canh khuya sao cảnh chẳng tròn  
Bao thuở cá nhàn vây hiệp  
Thiên công tộ bầy thiên công  
Sâu tuôn lai láng, thảm gợn sóng xao  
Dặm xa xôi Sơn Hậu cõi nào  
Đường diệu vơi ai tin cho thấu  
Một mình thơ ấu  
Nào biết cậy ai  
Chốn lao tù có một mình tôi  
Tiên đế hỡi có hay thân thiếp

*(Nhân vật Thứ Phi - Tuồng Sơn hậu)*

### **OÁN TỰ VẤN**

Du du phách quế hồn vô ảnh  
Yếu yếu hồn hương mạng tự chung  
Sinh minh chính tử hề minh chính  
Tồn hiếu trung vong dạ hiếu trung

Nhìn chung Ngâm, Vịnh, Oán có cấu trúc văn học và giai điệu tương đối giống nhau, khác cơ bản là ở luyện láy. Ngâm có Ngâm vui, Ngâm buồn. Ngâm vui theo láy xuân, Ngâm buồn theo láy Ai nhưng không nặng nề. Vịnh trung hòa như láy Nam Bình. Oán hoàn toàn theo láy của Ai.

# CÁC LÀN ĐIỀU CÓ NHỊP

Các làn điệu có nhịp trong hát Tuồng được các nghệ nhân tiền bối gọi một cách nôm na là bắt bài. Bài có ý nghĩa là có nhịp. Căn cứ trên nhịp trống, các làn điệu có nhịp ở trong hát Tuồng được chia thành nhịp 1, nhịp 3, nhịp 4, nhịp lăm, làn thán... Và trong mỗi một mô hình nhịp điệu đó lại có nhiều loại hát khác nhau như nhịp Bả trạo, Giá ban thán, Quỳnh tương, nhịp 3 phân bình, nhịp 3 đạo cảnh, Nam ru... Nhịp 4 đào điền, nhịp 4 đánh đàn.

Nhìn chung các loại nhịp I có tính chất vui, khỏe, linh hoạt. Trừ trường hợp của Giá ban Thán có tính buồn, khỏe như Thán nhưng có nhịp. Khi nghệ thuật hát Tuồng đưa một số loại Lý (*dân ca*) vào thì hát trên nền nhịp I rất phù hợp với tính sân khấu. Ví dụ những loại lý hát nhịp I là Lý thương nhau, Lý năm canh, Thiên thai (còn gọi là Lý xuân thượng, Hò ba lý)

Trong các vở Tuồng truyền thống thì các làn điệu có nhịp được dùng ở vị trí thứ nhì, không quan trọng bằng hát Nam, hát Khách, hay các loại làn điệu không nhịp như Bạch, Xướng, Thán. Tuy nhiên, do tính chất của các bài bản có nhịp có cấu trúc chặt chẽ, gọn gàng, tươi mát nên dần dần các loại nhịp này được chú trọng hơn và được sử dụng nhiều hơn trong các Tuồng lịch sử, dân gian và hiện đại. Có thể coi các làn điệu có nhịp là những mô hình ca khúc truyền thống tương đối hoàn chỉnh (nói tương đối là vì trong đó vẫn có sự co giãn về kết cấu hoặc chỗ ngưng nghỉ). Và có như vậy nó mới hợp thành thể thống nhất trong sự biến hóa phong phú của các thể loại hát Tuồng.

## 1. NHỊP 1

Được dùng nhiều hơn các loại khác do trong nhịp I có nhiều mô hình phục vụ tốt việc diễn tả tâm trạng của nhân vật. Nhịp I hay dùng khi dâng rượu, chèo thuyền, kêu cứu... cấu trúc văn học thuộc thể thơ 4 chữ, 5 chữ hoặc lục bát. Có thể hát đồng ca hoặc cá nhân.

### KHỔ NHỊP 1:

#### NHỊP 1 QUỲNH TƯƠNG (DÂNG RƯỢU)

Ngọc dịch, ngọc dịch

Tiên phẩm linh đơn

Tửu bôi tại trước chúc Nam Sơn

Nam Sơn, Nam Sơn vũ lộ tràn

Lạc vị ương, phước lý tương

Quả báo nhiên lê, quỳ quá cốn

Tiền tửu trường duyên, nguyện tiền tửu trường duyên

#### 1.1 NHỊP 1 DÂNG RƯỢU

##### 1.1.1 BÀI HÁT RƯỢU HỒNG

Rượu hồng một chén tay nâng

Kê bên trướng ngọc chúc mừng tôn nhan

Muôn năm cơ nghiệp rỡ ràng

So tà núi Thái sông Hoàng dài lâu  
Chồi xanh nảy lộc tươi màu  
Vững tay khải tướng xây lâu vinh hoa

### 1.1.2 BẢ TRẠO (CHÈO THUYỀN)

Thông thường là thể thơ ngũ ngôn (năm chữ) khí hùng mạnh, tính chất vui vẻ, tươi sáng.

### 1.1.3 NHỊP 1 GIÁ BAN CỨU

Thông thường giá ban được dùng khi kêu cứu, sau lúc đánh trận cần người giúp đỡ. Cấu trúc văn học thường dùng thể thơ 6 chữ. Cấu trúc âm nhạc có thang âm giống hát khách nhưng trên nền tiết tấu nhịp I (*cắc cụp cắc*)

Hà xứ nhơn lai cứu ngô  
Sơn trại lâu la bộ hạ  
Hà do nể đảng truy tùy  
Tương phùng thả hỉ thả bi  
Mã thương khuy nh thân yết kiến  
Hán quân mặt lộ tương tâm  
Huyền điền kích cổ minh tâm  
Tóc hướng Long sơn trực khứ  
Thông thông tải hậu tải từ

*(Nhân vật Tiết Cương, Lâu la, Lan Anh - Tuồng Hộ sanh đàn)*

### 1.1.4 BAN CHẠY

Cũng dùng khi chạy giặc (sau đánh nhau) nhưng chỉ dùng cho các vai lính, hề. Các nhân vật lớn không dùng. Tiết tấu nhịp I nhưng hầu như nói có nhịp, tính giai điệu rất ít.

Chạy học tốc, chạy học tốc  
Ói mặt xanh (là) ói mặt xanh  
Ông chạy trước vùi đầu vùi cổ  
Con theo sau đổ ruột lòi phèo

*(Quân - Tuồng Trảm Trịnh Ân)*

### 1.1.5 GIÁ BAN THÁN

Là một loại làn điệu nhịp I có nghệ thuật cao, dùng cho các nhân vật chính trong tình huống bức xúc than thở về hoàn cảnh bi thương. Nếu tiết tấu là nhịp I, thang âm giai điệu giống Thán. Giá Ban Thán lại thường dùng thể 7 chữ:

Con hiếu cha trung tình bận bịu  
Kẻ còn người mất cảnh đau thương  
Đáp đền khôn thỏa cùng đầu bạc  
Hầu hạ xin theo xuống suối vàng

Sao đời vật đổi đời tan tác  
Bèo dạt mây trôi cảnh đoạn trường  
Tạ cha già ở lại  
Còn con trẻ sớm toan

*(Loan Dung - Tuồng Lý Phụng Đình)*

## 2. NHỊP III

Khác với nhịp I diễn tả sự phong phú về tình cảm, nhịp III chỉ thiên về khỏe và trữ tình, tính chất hoành tráng, phóng khoáng. Được dùng trong những trường hợp dạo chơi, hát ru, phân binh, đề cò, chèo thuyền hoặc đi đường có tâm trạng thanh thoi, thoải mái. Nhưng tốt nhất là phân binh, đề cò và dạo cảnh.

### 2.1. NHỊP III DẠO CHƠI: Tiết tấu vừa phải, sắc thái nhẹ nhàng.

Thủ: Vẽ đêm thanh  
Hát: Rập bước thanh thoi ngắm thích tình  
Sen thắm cười hé nụ  
Liều rủ uốn nghiêng mình  
Vẽ vời cảnh đẹp đầy xuân tứ  
Thu hút vào trong khóe mắt xanh

*(Loan Dung - Tuồng Lý Phụng Đình)*

Ngày ngủ đêm đi một chữ liều  
Vì thời thế phải làm theo  
Mặc ai nguyên rửa ai chê trách  
Sao kẻ giàu sang, kẻ đói nghèo

*(Nhân vật Ốc - Tuồng Nghêu - Sò - Ốc - Hến)*

### 2.2. NHỊP III PHÂN BINH: Nhanh, vừa, khỏe có kèn đệm tong rất hiệu quả

Thủ: Tướng lệnh nghiêm minh  
Hát: Truyền với quân binh  
Tay diệt địch xông pha cho đồng được  
Muru phá thành cần chớ xem khinh  
Thề tung kiếm đồng tâm ra chiến địa  
Nguyện trở tài quyết chí vượt trường chinh  
Ai có công quân công ta trọng thưởng  
Phạm luật binh quân pháp sẽ gia hình



Đồng hiệp lực như mưa gào gió thét  
Thê bền gan cùng diệt lũ súc sinh  
Trừ bạo tặc một phường phản bội  
Dựng non sông cứu nạn sinh linh

*(Liễu Nguyệt Tiêm - Tuồng Đào Phi Phụng)*

### 3. NHỊP IV

Hầu hết các loại nhịp Tư chỉ dùng cho các nhân vật nữ. Các nhân vật nam (nếu có hát thì chỉ là đối thoại với nữ một vài câu). Có thể nói nhịp Tư là đặc trưng cho nhân vật nữ Tuồng. Tính chất mềm mại, uyển chuyển, đảo phách nhiều. Thường dùng cho lúc vui, đàn hát và đặc dụng nhất cho các nhân vật nữ điên bởi tính chất phóng khoáng, mềm mại. Có nhiều thể văn viết cho nhịp Tư nhưng tốt nhất là thể Lục bát (6 - 8)

#### 3.1. BÀI ĐÀN NHỊP IV: Chậm vừa, nhẹ nhàng, trữ tình.

THỦ: Ta linh tính tang non  
Linh tính tình tang non

HÁT Chăm ca nhã vận  
Nhã vận chăm ca  
Ngoạn cảnh lân la  
Vui tình hơn hờ  
Đêm thanh nhuần nhã  
Nhuần nhã đêm thanh  
Rát phỉ ư tình  
Nghìn vàng một khắc

*(Loan Dung - Tuồng Lý Phụng Đình)*

#### 3.2. BÀI HÁI HOA: Tiết tấu vui, linh hoạt

Trăng kia khoe bóng trong lành  
Hoa kia khoe thắm vẫy mình chiều theo  
Người trông thấy cảnh phải yêu  
Lòng riêng hơn hờ dạ nhiều thiết tha  
Xem hoa cần rõ màu hoa  
Xem trăng cần rõ trăng già trăng non  
Niềm xuân mong muốn vẹn toàn  
Đêm xuân xuân ước mãi còn dài lâu

*(Loan Dung - Tuồng Lý Phụng Đình)*

### 3.3. BÀI SAY: Khỏe, linh hoạt (trường hợp của nam hát rất ít thấy trong tuồng)

Thị bộp tài cuồng đồ lục lục  
Phi nghĩa nhân tá quốc anh hùng  
Sông kia đục có chỉ một dòng  
Nước nọ cũng chảy theo mà đục  
Đục lắm (ớ bay) đục lắm (là ớ) bay ời  
Ai mượn mày gánh nước bàn độc  
Chẳng xét mình ai mượn thầy lay  
Bao giờ cho chim gỗ bay bay  
Bay cao nghìn trượng mới tày dạ ta  
Con cá khô đặng nước sông Giang Hà  
Một trường ngư thủy một nhà vui thay  
Vui thay vui thả vui thả  
Đánh cho tan xác, tan thầy, tan hồn  
*(Nhân vật Vạn Kim Anh - Tuồng Triệu Đình Long)*

### 3.4 NHỊP 4 ĐIÊN

Em từng bay bổng (mà) trên cao  
Dì trắng thím gió cô sao (đâu) đợi chờ  
Chị Hằng du thiếp (ấy) làm thơ  
Dự xong tiệc rượu ngân nga (ấy) tác lòng  
(Ấy) con chim xanh bay bổng (mà) qua sông  
Hỏi thăm em bậu có chồng (mà) hay chưa  
Có chồng năm ngoái (mà) năm xưa  
Năm nay chồng chết như chưa có chồng  
(Ấy) trông trông lên hòn núi (mà) tang bổng  
Con gái chưa chồng ông huyện (mà) đóng gong  
Hỏi nàng có muốn (mà) anh không  
Anh thừa quan huyện mở gông (ấy) cho nàng  
Anh thừa quan huyện mở nàng mở nàng cho anh

Nhìn chung, nhịp Tư là một loại nhịp phức tạp, trúc trắc phù hợp tâm lý của các nhân vật nữ. Khi hát nhịp Tư diên thường kết hợp với biểu diễn làm phóng khoáng ova sinh động sân khấu.

### 4. NHỊP LẤN

Tiếng trống rộn rã, quay tròn tiết tấu nhanh tạo cảm giác vui tươi.

#### 4.1 KHÁNH CHÚC

Chỉ dùng khi cử binh chiến thắng, khai hoàn ca hoặc khánh chúc đại lễ. Cấu trúc văn học ở thể 5 chữ và 7 chữ

**Thủ** Bửu điện khai, vinh quy  
**Hát** Hạnh tường vân, giá đương xuân  
Chúc đương kim khánh hỷ  
Tặng phước thọ trường miên  
Trị việt địa ngự nam thiên  
Ngưỡng chánh giáo quốc dân yên  
Diên tiếng tặng thọ dứt  
Chúc khánh hỷ trường miên  
Hạ thọ diên chúc hoàng ân  
Thọ như sơn kể long lân  
Chúc đương kim khánh hỷ  
Tặng phước thọ trường miên

*(Bài này dùng nhiều trong các tuồng cổ, hễ có chúc thọ Vua là hát được)*

#### **4.2 NHỊP LẤN XUẤT BINH**

Sắt thép dấy thần uy  
Bùng bùng ta ra dung lực  
Binh kéo đến núi nhào bẻ lấp  
Thế chen nhau mây áng trời che  
Trống rung hoạt thành nghiêng  
Rạng rỡ danh anh dũng  
Như hổ đóng tựa rồng đanh  
Xua vạn đội, đuổi thiên binh  
Yên đất nước, vững phiên thành

*(Tiêu Thiên Hữu - Tuồng Bắc Tông)*

#### **4.3 NHỊP LẤN KHẢI HOÀN**

Rập ràng muôn tiếng khai hoàn ca  
Gái cũng như trai trẻ lẫn già  
Đất Bắc trời Nam chung một cõi  
Chồi Hồng nhánh Lạc nở muôn hoa  
Lòng bền vững nước non nhà  
Một cõi Lãn Nam nền tự chủ  
Ngàn năm rạng rỡ giống nòi ta

*(Nghĩa binh - Tuồng Trưng Nữ Vương)*